

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST

Ngày: 18 - 11 - 2021

V/v “T/c hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Trường Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Duy Bình

2. Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2020/TLST-DS ngày 09/12/2020 về việc “*Tranh chấp hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông TVM, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp 4, xã Thanh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà LTT, sinh năm 1970 và ông BVT, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Tây, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà VTA, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp 4, xã Thanh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

4. *Người làm chứng:*

- Ông Trần Văn Danh, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp 1, xã Long Thạnh, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Bà Võ Thị Trung, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Tây, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

(Ông Mừng, bà Ánh, ông Danh, bà Trung có mặt; bà Thủy và ông Thương vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông TVM trình bày yêu cầu khởi kiện:* Ông Mừng làm chủ dây hụi ngày 10/3/2013, hụi khai 01 năm 03 lần, gồm 27 phần, mỗi phần 5.000.000đ. Bà Thủy tham gia 02 phần, phần thứ nhất hốt kỳ số 03; Phần thứ 02 bà Thủy hốt kỳ số 12, sau khi hốt đối với 02 phần hụi bà Thủy đóng hụi chết cho cả 02 phần đến kỳ thứ 13 thì ngưng. Ông Mừng đã khởi kiện và được xét xử từ kỳ số 14 đến kỳ 17 bằng Bản án số 48/2018/DS – ST ngày 02 - 10 - 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. Bà Thủy và ông Thương là vợ chồng và quá trình tham gia hụi thì ông Thương có đi bỏ hụi thay bà Thủy và việc bà Thủy hốt hụi là để phát triển kinh tế gia đình cũng như xây nhà. Do đó, ông Mừng khởi kiện yêu cầu bà Thủy và ông Thương liên đới trả từ kỳ 18 đến kỳ 24 đối với cả 02 phần hụi là 7 kỳ thành tiền là 70.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án ông TVM cung cấp: Bản án số 48/2018/DS – ST ngày 02 – 10 – 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An; giấy giao kèo hụi (Bản phô tô).

- *Bị đơn bà LTT* được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt bà Thủy theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- *Tại bản tự khai ngày 22/01/2021, bị đơn ông BVT trình bày:* Ông Thương là chồng bà Thủy, việc bà Thủy tham gia hụi với ông Mừng là nợ riêng của bà Thủy, ông Thương không biết. Ông Thương không đồng ý cùng bà Thủy trả số nợ trên cho ông Mừng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không cung cấp tài liệu hay chứng cứ gì.

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Trích lục kết hôn của bà Thủy và ông Thương (Bản phô tô).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà VTA trình bày:* Bà Ánh là vợ của ông Mừng, ông Mừng khởi kiện bà Thủy và ông Thương về tranh chấp hụi thì bà Ánh không có ý kiến và yêu cầu gì.

- *Người làm chứng ông Trần Văn Danh trình bày:* Ông Danh là hụi viên của dây hụi ngày 10/3/2013 do ông Mừng làm chủ, hụi khai 01 năm 03 lần, gồm 27 phần, mỗi phần 5.000.000đ. Việc bà Thủy tham gia dây hụi trên thì ông Thương biết vì ông Thương có đi bỏ hụi nhiều lần thay cho bà Thủy.

- *Người làm chứng bà Võ Thị Trung trình bày:* Bà Trung là hụi viên của dây hụi ngày 10/3/2013 do ông Mừng làm chủ, hụi khai 01 năm 03 lần, gồm 27 phần, mỗi phần 5.000.000đ. Việc bà Thủy tham gia dây hụi trên thì ông Thương biết vì ông Thương có đi bỏ hụi nhiều lần thay cho bà Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa xác định trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã chấp hành tốt nghĩa vụ và thực hiện đầy đủ quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi nghị án. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hóa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Là tranh chấp về hội chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa.

[2] *Về quyền yêu cầu khởi kiện*: Ông TVM khởi kiện các kỳ hội của đây hội mà ông Mừng làm chủ hội có sự tham gia của bà Thủy là thành viên đã đến hạn đóng hội nhưng do có vi phạm nghĩa vụ đóng hội, do đó ông Mừng có quyền khởi kiện đối với các kỳ hội đến hạn.

[3] *Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn bà LTT và ông BVT*: Bà Thủy và ông Thương được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Thủy và ông Thương.

[4] *Về nội dung vụ án*: Ông Mừng khởi kiện yêu cầu bà Thủy và ông Thương trả tiền hội từ kỳ 18 đến kỳ 24 đối với cả 02 phần hội là 07 kỳ thành tiền là 70.000.000đ, không yêu cầu tính lãi nhưng yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào Bản án số 48/2018/DS – ST ngày 02 – 10 – 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An thì bà LTT thừa nhận có tham gia hội do ông Mừng làm chủ hội, bà Thủy đã hốt hội đối với 02 phần hội mà bà Thủy tham gia và đã đóng hội chết đến kỳ thứ 13 và đã được Tòa án xét xử từ kỳ thứ 14 đến kỳ 17. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Mừng đối với bà Thủy và ông Thương là có căn cứ từ kỳ 18 đến kỳ 24 đối với cả 02 phần hội là 07 kỳ thành tiền là 70.000.000đ.

[5] *Về việc liên đới trả nợ*: Bà Thủy và ông Thương là vợ chồng, bà Thủy tham gia hội do ông Mừng làm chủ, ông Thương biết do có đi bỏ hội thay bà Thủy là phù hợp với lời khai của người làm chứng là ông Danh và bà Trung. Bên cạnh đó, việc bà Thủy hốt hội dùng vào việc xây nhà và phát triển kinh tế gia đình nên ông Thương phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Thủy trả nợ hội cho ông Mừng.

[6] *Về án phí*: Bà LTT cùng ông BVT phải chịu $5\% \times 70.000.000\text{đ} = 3.500.000\text{đ}$ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông TVM không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Mừng 1.750.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003594 ngày 09/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471, Điều 288 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông TVM đối với bà LTT và ông BVT về tranh chấp hội.

Buộc bà LTT và ông BVT có nghĩa vụ liên đới trả cho ông TVM số tiền 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng) phát sinh từ tranh chấp hội.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, nếu người có nghĩa vụ trả tiền chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà LTT cùng ông BVT phải chịu 3.500.000đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Ông TVM không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông Mừng 1.750.000đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003594 ngày 09/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thanh Hóa;
- THADS huyện Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Trường Thọ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Duy Bình – Nguyễn Văn Bé

Phùng Trường Thọ